

Bản án số: 60/2017/HSST

Ngày: 01- 12- 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – T PHỐ HẢI PHÒNG

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư
2. Ông Nguyễn Duy Tuân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký
Toà án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Ông Tăng
Văn Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ
thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với
các bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh năm 1986; ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường
T, quận H, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 3/12.
Con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Viên Thị V, sinh năm 1953. Vợ: Nguyễn Thị
Thanh T, sinh năm 1987. Có 01 con sinh năm 2011. Tiền án tiền sự: Không. Bị cáo
được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

2. Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1983; ĐKKHKT và chỗ ở: Số 111 đường C,
phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 12/12;
Con ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958. Vợ:
Lê Ngọc H, sinh năm 1991. Có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017;
Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017, được thay thế bằng
biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

3. Lê Mạnh H, sinh năm 1990; ĐKKHKT: Số 23/Đ11 đường Đ, quận N,
thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Số 44/139 đường 208, xã A, huyện A, Hải Phòng;
Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 12/12; Con ông Lê Văn S, sinh năm 1963 và bà
Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972. Vợ: Phạm Thị Lan H, sinh năm 1991. Có 01 con
sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017, được
thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

4. Phạm Văn B, sinh năm 1974; ĐKHKT: Thôn M, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Khu cổng gác sân bay, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 12/12; Con ông Phạm Văn X (đã chết) và bà Đặng Thị T, sinh năm 1941. Vợ: Dương Thị G, sinh năm 1976. Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

5. Đặng Văn T, sinh năm 1987; ĐKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 9/12; Con ông Đặng Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Vợ: Lương Thị H, sinh năm 1987. Có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

6. Đặng Quang L, sinh năm 1989; ĐKHKT và chỗ ở: Thôn M, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 12/12; Con ông Đặng Duy C, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

7. Đào Ngọc L, sinh năm 1984; ĐKHKT và chỗ ở: Số 528, đường T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 11/12; Con ông Đào Minh T, sinh năm 1956 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1957; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

8. Vũ Văn C, sinh năm 1976; ĐKHKT và chỗ ở: Số 49/108/261 đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 7/12; Con ông Vũ Văn D, sinh năm 1941 và bà Đỗ Thị B, sinh năm 1942; Vợ: Lưu Thị P, sinh năm 1978. Có 01 con, sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2017, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/6/2017, có mặt.

9. Đào Minh T, sinh năm 1956; ĐKHKT và chỗ ở: Số 528 đường T, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 10/10; Con ông Đào Văn H (đã chết); con bà Vũ Thị L, sinh năm 1930; Vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1957. Có 02 con: Con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1987. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/10/2017, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn C là bà: Nguyễn Thị Hồng T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước T phố Hải Phòng, có mặt

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C và Đào Minh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18h30' ngày 23/6/2017 Trần Văn C, Lương Trung D, Phạm Văn B đến nhà Đào Minh T ở số nhà 528 đường T, xã A, huyện A, T phổ Hải Phòng chơi. Tại đây C rủ D, B và Đào Ngọc L (con trai của T) đánh bạc dưới hình thức đánh "Liêng" ăn tiền bằng bộ bài tứ lơ khơ, mọi người đồng ý. Lúc này Nguyễn Tuấn A cũng có mặt tại nhà T, thấy C rủ mọi người đánh bạc, Tuấn A đã đi ra ngoài đường gặp đối tượng tên T (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) nhờ Tới đi mua 01 bộ bài tứ lơ khơ. Sau đó, Tuấn A mang vào đưa cho C. Những người chơi thỏa thuận mỗi người góp gà 10.000đồng, tổ ít nhất là 10.000đồng, cao nhất không quá 50.000đồng/01 ván. C là người cầm cái, chia mỗi người chơi 03 lá bài, nếu bài của ai có 03 lá cùng số thứ tự gọi là "Sáp" thì được thu số tiền gà dưới chiếu và mỗi người chơi còn phải trả cho người có "Sáp" 30.000đồng, nếu bài của ai có 03 số thứ tự liền nhau gọi là "Liêng" thì được thu số tiền gà dưới chiếu, bài của ai không thuộc 02 trường hợp trên là thua và bị mất số tiền gà đã đặt cược. Khi C, D, B, L ngồi tại phòng khách nhà T chơi được một lúc thì Lê Mạnh H, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Nguyễn Tuấn A, Vũ Văn C cùng vào chơi. Tuấn A lấy 03 lá bài của B để tính điểm đánh bạc với C, mỗi ván 50.000đồng. Đến khoảng 19h30' cùng ngày, Đào Minh T vào phòng khách yêu cầu mỗi người chơi ra 20.000đồng tiền hồ. C, B, D, T, L, H mỗi người bỏ ra 20.000đồng đưa cho L. Sau đó, L đã đưa số tiền trên cho T. L tiếp tục chơi khoảng 15 phút sau thì không chơi nữa. Đến khoảng 20h cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện A phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm 10.142.000đồng và 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 08/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C và Đào Minh T về tội "Đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận có tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" tại nhà bị cáo Đào Minh T như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo Đào Minh T khai đã đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của bị cáo và nhận 120.000đồng tiền hồ. Bị cáo Trần Văn C khai có 7.350.000đồng dùng để đánh bạc, C bị thua 320.000đồng, khi bị bắt Công an thu của C 7.030.000đồng. Bị cáo Nguyễn Tuấn A khai có 50.000đồng dùng để đánh bạc, Tuấn A chơi từ 05 đến 06 ván và bị thua hết số tiền trên, khi bị bắt Công an không thu của Tuấn A số tiền nào. Bị cáo Lê Mạnh H khai có 1.000.000đồng dùng để đánh bạc, H được 200.000đồng, khi bị bắt Công an thu của H 1.200.000đồng. Bị cáo Phạm Văn B khai có 550.000đồng dùng để đánh bạc, B bị thua 170.000đồng, khi bị bắt Công an thu của B 380.000đồng. Bị cáo Đặng Văn T khai có 515.000đồng dùng để đánh bạc, T được 50.000đồng, khi bị bắt Công an thu của T 565.000đồng. Bị cáo Đặng Quang L khai có 200.000đồng dùng để đánh bạc, L bị thua 180.000đồng, khi bị bắt Công an thu của L 20.000đồng. Bị cáo Đào Ngọc L khai có 100.000đồng dùng để đánh bạc, L không thắng, không thua, khi Công an vào bắt giữ L không chơi nữa nên không bị thu giữ số tiền trên. Bị cáo Vũ Văn C khai có 50.000đồng dùng để đánh bạc và bị thua hết số tiền trên, khi bị bắt Công an không thu của C số tiền nào.

Công bố lời khai của những người làm chứng có nội dung như các bị cáo khai nhận tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, phân hóa vai trò các bị cáo, nêu các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C và Đào Minh T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 248; Điểm h, n, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt tiền bị cáo từ 05 đến 07 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 20; Điều 31; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Lê Mạnh H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Quang L từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đào Ngọc L từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn C từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tạm giữ của bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đào Minh T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.142.000đồng.

Buộc bị cáo Đào Minh T nộp lại số tiền 120.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn C nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị bệnh tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không có việc làm ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện A lập hồi 20 giờ ngày 23/6/2017, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền, số tiền thu được tại chiếu bạc trên 05 triệu đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Đánh bạc*" vi phạm Điều 248 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo Đào Minh T có hành vi cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của bị cáo và thu tiền hồ, bị cáo có hành vi "*Gá bạc*" nhưng chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự, căn cứ vào Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo về tội "*đánh bạc*" theo Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương, đánh bạc là một trong những nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

Số tiền thu được trên chiếu bạc của các bị cáo là 10.142.000đồng nên hành vi của các bị cáo đã vi phạm Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án có đồng phạm, nhiều bị cáo cùng tham gia, Hội đồng xét xử phân hoá vai trò của các bị cáo như sau:

Bị cáo Trần Văn C là người có vai trò chính bị cáo khởi xướng việc đánh bạc và là người có số tiền dùng vào việc đánh bạc nhiều nhất do vậy hình phạt của bị cáo C cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A là người đi mua bộ tú lơ khơ để cho các bị cáo đánh bạc, bị cáo có vai trò thứ hai sau bị cáo C.

Các bị cáo Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C là đồng phạm cùng tham gia đánh bạc, có số tiền dùng vào việc đánh bạc ít hơn so với bị cáo C, vai trò của các bị cáo là ngang nhau và thấp hơn vai trò của bị cáo C và Tuấn A.

Bị cáo Đào Minh T không trực tiếp tham gia đánh bạc, hành vi của bị cáo là đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà và thu tiền hồ với số tiền 120.000đồng nên vai trò của bị cáo là đồng phạm thấp nhất trong vụ án.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo T khân, ăn năn hối cải. Nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn C bị bệnh tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, mẹ bị cáo tham gia kháng chiến chống Mỹ và được hưởng chế độ một lần nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Văn C, nhân thân chưa có tiền án tiền sự có nơi cư trú ổn định, nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự và hiện tại bị cáo mắc bệnh tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C, Đào Minh T nhân thân chưa có tiền án tiền sự có nơi cư trú ổn định, nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và hiện tại đang là công nhân nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 31 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C, đã bị tạm giữ 07 ngày (từ ngày 23/6/2017 đến 29/6/2017), nên thời gian tạm giữ của các bị cáo được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo được trừ 21 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Bộ luật Hình sự.

Theo quy định pháp luật các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C, Đào Minh T còn bị khấu trừ một phần thu nhập. Hội đồng xét xử xét điều kiện kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C, Đào Minh T theo Khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A với mức 05 triệu đồng, các bị cáo còn lại phạt 03 triệu đồng là phù hợp.

Giao các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C, Đào Minh T cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

- Về xử lý vật chứng:

01 bộ tú lơ khơ 52 quân là dụng cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 10.142.000đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 120.000đồng bị cáo Đào Minh T thu của các bị cáo là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo Đào Minh T phải nộp lại sung quỹ Nhà nước.

Trong vụ án có đối tượng Lương Trung D khi phạm tội đang là quân nhân thuộc Bộ Tổng tham mưu quân khu 3. Cơ quan điều tra Công an huyện A đã bàn giao đối tượng cùng hồ sơ, tài liệu liên quan đến Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1, quân khu 3 xử lý theo thẩm quyền.

Các bị cáo phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Tuấn A, Lê Mạnh H, Phạm Văn B, Đặng Văn T, Đặng Quang L, Đào Ngọc L, Vũ Văn C và Đào Minh T phạm tội "*Đánh bạc*".

- Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 248; Điểm h, n, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 31; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Tuấn A 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Lê Mạnh H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Quang L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đào Ngọc L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn C 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 21 ngày tạm giữ đã quy đổi. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đào Minh T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Phạt tiền bị cáo 03 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.142.000đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân.

Buộc bị cáo Đào Minh T nộp lại số tiền 120.000đồng sung quỹ Nhà nước

(*Tình trạng đặc điểm vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 0000519 ngày 10/11/2017*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp;
- Phòng PV 27; PC81
- Trại tạm giam CA Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh

